



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE TRONG KIET
Last Middle First

Current Address: 10/6 Phan Bội Châu, Sa Dec, Đồng Tháp

Date of Birth: 11/22/44 Place of Birth: Vĩnh Long

Previous Occupation (before 1975) 1LT
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/01/75 To 06/10/80
Years: 6 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: FLPPA
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

B. - DANH SÁCH TRỌN GIA ĐÌNH (Sống hay chết) của CỰU TỬ CHÍNH TRỊ :

.....
..... LÊ TRƯỜNG KIẾT 1944 Nam - Chủ hộ
..... LÊ NGỌC TUYẾT 1943 Nữ Vợ
..... LÊ THỊ TUYẾT LINH 1973 Nữ Con
..... LÊ DUY TUYẾT LINH 1974 Nữ Con
..... LÊ THUY NHẬN 1981 Nam Con
..... LÊ TRUNG HẬU 1984 Nam Con
.....
.....
.....
.....

III. - TRÌNH TRẠNG CÔNG VIỆC TẠI NƠI :

1. - Thân nhân gần nhất ở HOA KỲ không có
.....
2. - Thân nhân gần nhất ở những nước khác không có
.....

IV. - TRÁ CỐ LẬP QUÂN KIỆT QUÂN CỐ TỰ ĐIỆN TOÀN TỰ GIA ĐÌNH CHƯA ? CÓ GIẤY HƯA
CHỨ MỆNH VẮM Ở ĐANG KHI CHƯA ?

..... không có
.....

V. - LỜI CÁN GHI THÊM - GHI CHÚ :

.....
..... Xin được báo cáo tại Hoa Kỳ cũng cả gia đình
..... theo Điều H.O. đã lập thủ tục đăng ký sống ở VIỆT NAM
.....

VI. - ĐÍNH KÈM TRƯNG NHÃN VÀNG VÀ ĐÍNH CHỮ VÀI DÂY :

- Giấy ra trại /
- Giấy trả /
- Khai sinh - tử người -
- Ảnh 4 x 6 /

SADEC Ngày 15/06/1990
Người làm đơn,

Chuu

LÊ TRƯỜNG KIẾT.

Số: 238

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 7/TT-Tg ngày 29/12/77 về việc thực hiện chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thí hành quyết định số 42/QĐ ngày 28/4/80 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: LÊ TƯỜNG KIẾT

Ngày, tháng, năm sinh: 22/11/1944

Quê quán: Xã Long Châu, Vĩnh Long.

Trú quán: Ấp Tân Bình, Tân Quý Tây, TX Sa Đéc, Đ. Tháp

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: Trang ủy kế toán viên tiếp liệu Ty y tế Vĩnh Long.

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: Xã Tân Quý Tây thuộc Huyện,

Quận: TX Sa Đéc Tỉnh, Thành phố: Đông Tháp

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: Mười hai tháng.

- Thời hạn đi đường: _____ ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: _____

Ngày 20 tháng 04 năm 1980

GIÁM THỊ TRẠI



Nguyễn Văn Chương
Võ Văn Chương

Đ. 10. Bình ở địa phương
Đ. 10. Bình ở địa phương
Đ. 10. Bình ở địa phương



Việt An

BỘ Y-TẾ

Ư - V U - L E N H

- Chiếu Sự-vụ-lệnh số 210-TTQTTU/QT/BP/SQ ngày 01.3.1974 của Bộ Tổng Tham-Mưu Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa; (Trung-Tâm Quân-Trị Trung-Uơng) biệt phái Ô. Lê-Tường-Kiệt về Bộ Y-Tế;
- Chiếu đơn xin chuyển-chuyên đề ngày 05.3.1974 của Ô. Lê-Tường-Kiệt;
- Chiếu nhu-cầu công-vụ,

Ô. Lê-Tường-Kiệt, Tá-viên Y-Tế Quốc-Gia ngành Điều-Dưỡng hạng 2, nguyên tổng sự tại Trung-Tâm Y-Tế Toàn-Khoa Long-Xuyên nhập ngũ, được Bộ Quốc-Phòng biệt phái về Bộ Y-Tế do Sự-vụ-lệnh dẫn chiếu, (đã đến trình diện Bộ Y-Tế ngày 05.3.1974), nay được cử đến giúp việc tại Ty Y-Tế Vĩnh-Long để tăng-cường.

Kể từ ngày đoạn chỉ tại Bộ Quốc-Phòng, lương-bổng của đương-sự do Ngân-sách cơ-quan mới xử-dụng dài-thọ.-

NƠI NHẬN :

- Bộ Quốc-Phòng
- Bộ Tổng Tham-Mưu QLVNCH
- Phủ Tổng-Ủy Công-Vu (Phòng TK)
- Nha Tổng Giám-Độc NS và NV
- Nha TGD Y-Tế - Sở Quân-Trị B.V.
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Trung-Tâm Quân-Trị Trung-Uơng

KBC. 4204

- Phòng Thống-Kê - Sở Điều-Dưỡng
 - Phòng Kiểm-Tra Nhân-Lực
 - Tòa Hành-Chánh : An-Giang, Vĩnh-Long
 - TTYTTK Long-Xuyên
 - Ty Y-Tế Vĩnh-Long "Để phúc Bộ ngày nhận việc của đương-sự"
 - Hồ-sơ - Lưu.-
- M4/Stc6b.

Sài Gòn, ngày 3 tháng 4 năm 1974

PHỤ TÓNG-TRƯỞNG Y-TẾ

Tờn Thờ-Ký, ~



BÙI-QUANG-AN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH VĨNH-LONG

QUẬN: CHÂU-THÀNH

XÃ: LONG-CHÂU

Số hiệu 95

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN THỨ



Tên, họ người chồng LÊ-TƯỜNG-KIỆT
nghề - nghiệp Quản-Nhân
sinh ngày hai mươi tháng Mười Một năm 1944 (22-11-1944)
tại Long-Châu (Vĩnh-Long)
cư - sở tại Long-Châu (Vĩnh-Long)
tạm - trú tại KBQ, 4938
Tên, họ cha chồng Lê-Văn-Tường (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ chồng Lê-Thị-Bà (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ người vợ LÊ-NGỌC-TUYẾT
nghề - nghiệp Nội trợ
sinh ngày năm tháng đời hai năm 1943 (05-12-1943)
tại Tân-Khánh (Sóc-Tré)
cư - sở tại Tân-Vĩnh-Hòa (Sóc-Tré)
tạm - trú tại 48/2 đường Pasteur (Sóc-Tré)
Tên, họ cha vợ Lê-Văn-Phát (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ vợ Trần-Thị-Quyên (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
— Ngày cưới 23-05-1969 giờ 14 giờ
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn - khế /
ngày / tháng / năm /
tại /

Trích y bốn chánh

Long-Châu, ngày 22 tháng 03 năm 1969

Xã-Phường

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH:

Chứng nhận:

Chữ ký tên của UBND

Long-Châu ngang đây.

Vĩnh-Long, ngày 25 tháng 03 năm 1969

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

VO-QUANG-TU

VO-QUANG-TU



Chứng kiến

XÃ-TRƯỞNG

LÊ-NGỌC-MỆC

Xã-Trưởng

hồ sơ miễn nhiễm

SỐ HIỆU 464

KHAI SANH



Tên họ đầu nhi :	LÊ-THỊ-TUYẾT-LINH
P h á i :	Nữ
S a n h :	Ba Mươi tháng sáu năm 1973
Ngày, tháng, năm	
T ạ i :	Nhà sanh Bác-sĩ Chấn Sadec
C h a :	LÊ-TUÔNG-KIỆT
Tên họ	
T u ổi :	29 tuổi
N g h ề :	Quân-Nhân
Cư-trú tại :	KBC 6881
M ẹ :	LÊ-NGOC-TUYẾT
Tên họ	
T u ổi :	30 tuổi
N g h ề :	Nội-trị
Cư-trú tại :	Tân-Vĩnh-Hoà
V ợ :	Vợ chánh
Chánh hay thờ	
Người khai :	LÊ-TUÔNG-KIỆT
Tên họ	
T u ổi :	29 tuổi
N g h ề :	Quân-Nhân
Cư-trú tại :	KBC 6881
Ngày khai :	02 tháng 7 năm 1973
Người chứng thứ nhất :	NGUYỄN-VAN-BA
Tên họ	
T u ổi :	47 tuổi
N g h ề :	Tài-xế
Cư-trú tại :	Tân-Vĩnh-Hoà
Người chứng thứ nhì :	ĐẶNG-HỒNG-NGỌC
Tên họ	
T u ổi :	29 tuổi
N g h ề :	Công-Chức
Cư-trú tại :	Tân-Vĩnh-Hoà

MIỄN THỰC
 SỐ VI 4388/BNV/HĐ/22
 MỤC 60 NƠI VÀ NGÀY 3-8-1973

Lập tại Xã Tân-Vĩnh-Hòa ngày 02 tháng 7 1973

Người khai.

Ủy Viên Hộ-Tịch.

Chứng Nhân.

Ký tên : KIẾT

Ký tên : KINH

Ký tên: BA
NGỌC

TRỊCH Y BỐ CHÁNH
 Liệt-Hàn, ngày 02 tháng 7 năm 1973
 XÃ TÂN-VĨNH-HÒA ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

[Handwritten signature and official stamp of the local authority]

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH VĨNH-LONG

QUẬN CHÂU-THÀNH

XÃ LONG-CHÂU

Số hiệu 2129



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 14 tháng 09 năm 1974

Tên họ đứa trẻ : LÊ THỊ THÙY-LINH

Con gái hay trai : NỮ

Ngày sanh : Ngày mười ba tháng chín dương-lịch
năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn.

Nơi sanh : Long-Châu (Vĩnhlong)

Tên họ người cha : Lê-Tường-Kiệt

Tên họ người mẹ : Lê-Ngọc-Tuyết

Vợ chánh hay không : Vợ chánh
có hôn thú :

Tên họ người đứng khai : Lê-Tường-Kiệt

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

ngày 16 tháng 09 năm 1974



Xã Long-Châu Ủy-Viên Hộ-Tịch,

[Handwritten signature]

AN-VAN-LAM

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Tân-K-Dông
Thị xã, Quận Thanh-Hung
Thành phố, Tỉnh Đông-Thiết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 540
Quyển số 03

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--



Họ và tên

LÊ HỮU NHÂN

Nam, nữ Nam

Ngày
tháng, năm

Ngày mười hai tháng chín năm một ngàn chín
trăm tám mươi một (12-09-1981)

Nơi sinh

XÃ TÂN PHU ĐÔNG THỊ XÃ SADEC

KHAI VỀ CHA MẸ

CHA

MẸ

Họ, tên, tuổi hoặc
ngày, tháng, năm sinh

LÊ TƯỜNG KIẾT
(1944)

LÊ NGỌC TUYẾT
(1943)

Dân tộc
Quốc tịch

Kinh
Việt Nam

Kinh
Việt Nam

Nghề nghiệp
Nơi ĐKNK thường trú

Y Tê
Tân Phú Đông

Giáo Viên
Huyện Thanh Hưng

Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK
thường trú, số giấy chứng
minh hoặc CNCC của
người đứng khai

LÊ TƯỜNG KIẾT Sinh năm 1944
Ấp Phú Thuận, Xã Tân Phú Đông, Thị xã SADEC
Giấy Chứng Minh ND số 1

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 25 tháng 5 năm 1982
IMJ/BND Tân K Đông ký tên đóng dấu

KT chủ tịch
ƯU - TC
Camb
Lê Thị Cẩm Hồng

Đã ký ngày 25 tháng 09 năm 1981

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

P. Chủ tịch

NGUYỄN VĂN HƯNG

(Kê họ, tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

MẪU HT 3/P 3

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Xã, Thị trấn Thường I

Thị xã Quận Đà Nẵng

Thành phố, Tỉnh Đà Nẵng

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 450 KS-84

Quyển số 01

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--



tên

LÊ TRUNG HẬU

Nam, nữ Nam

ngày
năm

Ngày hai mươi tháng mười một
một nghìn tám trăm (20/11/1984)

inh

Đã có Viên Sơ chế

Khai về cha, mẹ

CHA

MẸ

Họ, tên, tuổi (hoặc
ngày, tháng, năm sinh)

Lê Trung Kiệt
10/10

Lê Ngọc Kim
19/11/83

Độc lập
Quốc tịch

Kinh
Việt Nam

Kinh
Việt Nam

Nghề nghiệp
Nơi ĐKKK thường trú

1/50
10/6 nhóm 4, phường I
Tv Đà Nẵng - Đống Đa

Đường 10/6, phường I
Tv Đà Nẵng - Đống Đa

Họ, tên, nơi, nơi ĐKKK
thường trú, số giấy chứng
minh hoặc CNCC của
người đăng khai

Lê Trung Kiệt 1944 Nơi ĐKKK 10/6
10/6 nhóm 4, phường I Tv Đà Nẵng
CHAND 02 340514308 Cấp ngày
20/11/84

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 10 năm 1984

TM UBND LT ký tên đóng dấu

L. Chitah

nam hano

Đang ký ngày 30 tháng 11 năm 1984

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

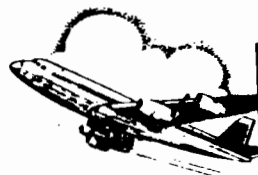
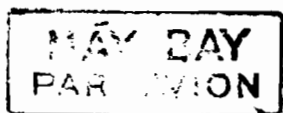
TM. UBND Đường I

phó (khu vực)

Nguyễn Văn Hòa

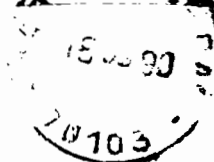
(Đã ký tên và đóng dấu)

FROM: LÊ TUÔNG KIẾT
10/6 Phan Bội Châu SADEC
ĐỒNG THÁP - VIỆT NAM.



PAR AVION VIA AIR MAIL

kg: 23310 /



JUN 29 1990

TO: Mrs. KHUẾ MINH THO'
PO Box 5435 ARLINGTON
VIRGINIA 22 EO
U.S.A